

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2018/TLST-KDTM ngày 07/8/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** HTX dịch vụ tổng hợp và sản xuất X.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung Đ - Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Đ1- Phó Giám Đốc, HTX dịch vụ tổng hợp và sản xuất X. Theo văn bản ủy quyền số 02/UQ/2018 ngày 31/01/2018 của Giám đốc

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

+ **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà A, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị L trả cho HTX dịch vụ tổng hợp và sản xuất X số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế số 310717/HĐKT ngày 31/7/2017. Tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/9/2018 là 129.073.882 đồng. (Trong đó tiền gốc là 122.360.800 đồng; tiền lãi 6.713.082 đồng). Thời gian trả nợ cụ thể:

- Ngày 31/11/2018 trả 40.000.000 đồng

- Ngày 28/2/2019 trả 40.000.000 đồng

- Ngày 31/5/2019 trả 49.073.882 đồng, lãi phát sinh và tất toán toàn bộ số tiền nợ.

Trường hợp một trong các bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng một trong những cam kết đã thỏa thuận trên đây thì bên có quyền được yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.3. Về án phí:

+ Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp và sản xuất X phải chịu 1.613.423 đồng (Một triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hợp tác xã đã nộp là 3.220.000 đồng. Hoàn trả Hợp tác xã số tiền còn lại theo biên lai thu tiền trên là 1.606.577 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.613.423 đồng (Một triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Hảo